

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG THÀNH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 16/04/2021.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đào Ngọc Nam.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Đức Nhân.

2. Ông Nguyễn Ngọc Giang San.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Xuân Mai, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Tình- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 04 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số 1008/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 03 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42A/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 03 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Tân Thị M**, sinh năm 1998, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai. “Có mặt”

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Thành T**, sinh năm 1994, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai. “Vắng mặt”

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn-chị Tân Thị M trình bày:

Chị và anh T chung sống với nhau năm 2017 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình An. Trong quá trình chung sống thì không có hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp. Anh chị đã ly thân từ tháng 03/2020 đến nay và không bàn bạc

đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thành T.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Khả V, sinh ngày 17/06/2017. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng Khả V và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Nợ chung: Không có.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng anh Nguyễn Thành T không hợp tác, không đến Tòa án giải quyết nên không có ý kiến.*

*\* Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:*

Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự, việc thu thập chứng cứ thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng trình tự theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về đường lối giải quyết vụ án:* Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn-chị Tân Thị M.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Qua xác minh tại Công an xã B thì bị đơn- anh Nguyễn Thành T vẫn đang sinh sống tại địa phương và anh Nguyễn Thành T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn-anh Nguyễn Thành T. Nguyên đơn-chị Tân Thị M vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn-chị M.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Tân Thị M và anh Nguyễn Thành T tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình An (giấy chứng nhận kết hôn số 44/2017 ngày 01 tháng 08 năm 2017) nên quan hệ hôn nhân của chị M và anh T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào chứng cứ thu thập được thể hiện tại hồ sơ thì trong quá trình chung sống, chị M và anh T có mâu thuẫn xảy ra. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp dẫn đến thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã. Anh chị đã sống ly thân từ 03/2020 đến nay. Trong thời gian sống ly thân thì không bàn bạc đoàn tụ.

Như vậy, giữa chị M và anh T đã có hành vi vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M, xử cho chị M được ly hôn với anh T là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Khả V, sinh ngày 17/06/2017. Sau khi ly hôn, chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, cháu Nguyễn Hoàng Khả V đang chung sống cùng với chị M và được chăm sóc tốt. Chị M có đủ điều kiện để đảm bảo cho việc nuôi con. Vì vậy, có căn cứ giao cháu Nguyễn Hoàng Khả V cho chị Tân Thị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

- Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị M được chấp nhận nên chị M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 09, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn-chị Tân Thị M đối với bị đơn- anh Nguyễn Thành T.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tân Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Thành T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Khả V, sinh ngày 17/06/2017 cho chị Tân Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó. Khi cần thiết, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

- Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét.

2. Về án phí: Chị Tân Thị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005082 ngày 5082 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành, chị M đã nộp đủ án phí.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

**\* Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đào Ngọc Nam**